

Bản án số 162/2023/DS-PT
Ngày 18 – 12 – 2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Bà Trần Thị Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18-12-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2023/TLST-DS ngày 12-10-2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 16-8-2023 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 189/2023/QĐ-PT ngày 15-11-2023; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Đinh Thị Bích V**, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ xx, phường A, quận B, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm: 1992; địa chỉ: 3x đường D, phường A, quận B, thành phố Đà Nẵng (*theo Giấy uỷ quyền ngày 06-3-2023*) ; có mặt.

* *Bị đơn:* Ông **Đặng Quang L**, sinh năm 1960; địa chỉ: xx đường G, phường A, quận B, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* *Người làm chứng:*

- Ông Đặng Quang H, sinh năm 1985; nơi cư trú: xx đường G, phường A, quận B, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- Cháu Đinh Tuyết S, sinh ngày 14-9-2008; nơi cư trú: Tổ 3x, phường A, quận B, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Đinh Tuyết S: Bà Đinh Thị Bích V, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ 3x, phường A, quận B, thành phố Đà Nẵng (Mẹ ruột).

- Bà Đỗ Thị Hoàng O, sinh năm 1993; nơi cư trú: Phòng 4xx Nhà x, Chung cư G, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Ông Đặng Quang B, sinh năm 1967; nơi cư trú: xx đường N, phường M, quận B, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

** Người kháng cáo: Bị đơn ông Đặng Quang L.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - bà Đinh Thị Bích V trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:*

Do có mối quan hệ tình cảm và có một con chung nên bà V có cho ông Đặng Quang L mượn số tiền 300.000.000đ để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông L có viết Giấy xác nhận mượn tiền ngày 26-12-2017, có xác nhận chứng kiến của ông Đặng Quang H - là con của ông L.

Ngoài ra, bà V có cho ông L mượn số tiền 40.000.000đ để đưa cho ông Đặng Quang H nhưng không có chứng từ chứng minh.

Bà V đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông L chây ỳ không trả, còn đánh bà V gây thương tích.

Do vậy, bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả số tiền nợ 340.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 26-12-2017 đến ngày 10-01-2023 là 60 tháng 14 ngày với mức lãi suất 10%/năm là 171.305.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi bà yêu cầu ông L thanh toán là 511.305.000đ.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 14-3-2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả cho bà V số tiền nợ 300.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 29-12-2019 là ngày bà V đòi tiền đến ngày 14-3-2023 là 156.250.000đ. Bà V không yêu cầu ông L trả số tiền 40.000.000đ do không có chứng cứ chứng minh.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với tiền gốc và thay đổi yêu cầu đối với tiền lãi như sau:

Sau khi cho mượn tiền, thì 03 ngày sau bà V đã yêu cầu ông L trả tiền, nhưng ông L không trả. Do không có căn cứ chứng minh nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày ông L xác nhận bà V đòi tiền ngày 01-8-2019 đến ngày xét xử ngày 16-8-2023 là: 48 tháng x 10%/năm x 300.000.000đ = 120.000.000đ. Tổng cộng số tiền gốc và lãi bà V yêu cầu ông L thanh toán là 420.000.000đ.

** Bị đơn - ông Đặng Quang L trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:*

Xác nhận ông có mượn của bà Đinh Thị Bích V số tiền 300.000.000đ để nộp tiền đất để ra sổ lô đất tái định cư nhà ông. Ngày 26-12-2017, ông có viết giấy xác nhận mượn số tiền trên của bà V. Đến đầu tháng 8-2019, bà V vì cần tiền làm nhà nên đã đòi lại số tiền 300.000.000đ. Do không có tiền trả nợ bà V nên ông đã vay mượn người khác và vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế - số 25 Điện Biên Phủ, thành phố Đà Nẵng để có đủ số tiền 300.000.000đ trả cho bà V làm nhà. Cụ thể như sau:

- Khoảng ngày 17-8-2019, ông vay của ông Lê M (*Trú tại: Tổ xx, phường A, quận B, thành phố Đà Nẵng*) số tiền 50.000.000đ. Ông đưa trực tiếp số tiền này cho bà V tại quán cà phê của bà V tại đường T, quận B. Không có ai nhìn thấy.

- Khoảng mấy ngày sau, ông vay của ông Đặng Quang B, là em trai của ông số tiền 100.000.000đ. Số tiền này ông L nhờ ông B đem đưa trực tiếp cho bà V.

Tổng số tiền sau 02 lần bà V đã nhận của ông là 150.000.000đ. Bà V đem trả tiền này trả cho nhà thầu xây dựng, tên B1, nhà gần chợ H.

- Ngày 27-8-2019, ông L có nhận tiền vay từ Ngân hàng Quốc tế số tiền 150.000.000đ và đem về trả đủ cho bà V. Thời điểm trả tiền là khoảng 10 giờ ngày 27-8-2019. Lúc trả tiền này cho bà V có 02 người làm chứng là Đỗ Hoàng O (*con riêng của bà V*) và Đinh Tuyết S (*con chung của ông L và bà V*). Sau khi nhận số tiền này, bà V vội cầm đi đâu đó. Ông nghĩ bà V đi ra Ngân hàng gửi cho kịp giờ. Ông L ở nhà chờ đến khi bà V về thì có hỏi tờ giấy vay nợ đâu trả lại cho ông để ông về nói với con. Lúc đó bà V trả lời là làm nhà bỏ thất lạc mất rồi, để bà V về nói với con cho.

Sau đó, để lường trước sự việc bà V sẽ đòi tiền nên ông L đã yêu cầu các con Đinh Tuyết S và Đỗ Hoàng O viết tờ giấy để mẹ ký vào là ông đã trả đủ tiền nợ, nhưng bà V không chịu ký vào mà chỉ có các con là Đinh Tuyết S và Đỗ Hoàng O ký làm chứng cho ông L.

Do đã trả đủ cho bà V số tiền 300.000.000đ nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V. Ngoài ra, ông không nợ bà V khoản tiền nào khác.

** Người làm chứng – ông Đặng Quang H trình bày tại bản tự khai, tại phiên tòa:*

Ông H có biết việc cha ông là ông Đặng Quang L mượn của bà Đinh Thị Bích V số tiền 300.000.000đ và có ký vào giấy xác nhận mượn tiền ngày 26-12-2017. Sau này, do đi làm ăn xa, ông H nghe ông L nói đã trả lại cho bà V số tiền trên vào năm 2019 nhưng không trực tiếp chứng kiến việc trả tiền.

** Người làm chứng – ông Đặng Quang B trình bày tại bản tự khai, tại phiên tòa:*

Ông là em trai của ông Đặng Quang L. Khoảng năm 2019, ông Đặng Quang L có điện thoại cho ông hỏi mượn 100.000.000đ để đưa cho bà V. Vài ngày sau, ông B đưa số tiền này trực tiếp cho là bà Đinh Thị Bích V tại quán nước của bà V trên đường T (*Trước Công an phường H*). Lúc này do ông L và

bà V có quan hệ tình cảm với nhau và còn hòa thuận nên ông B chỉ đưa tiền và không yêu cầu bà V viết giấy tờ.

** Người làm chứng – bà Đỗ Thị Hoàng O trình bày tại bản tự khai:*

Ông L và mẹ của bà - bà Đinh Thị Bích V sống chung từ năm 2017 đến năm 2019 và có con chung là Đinh Tuyết S nên bà xem ông L là thành viên trong gia đình, hoàn toàn tin tưởng. Ngày 27-8-2019, bà đang ở nhà thì ông L gọi điện bà qua nhà để nhờ ký giấy tờ, ông L nói ông đã trả tiền cho mẹ con rồi mà mẹ con nói giấy tờ bị thất lạc nên con ký xác nhận vào tờ giấy này giúp bác. Bà đã ký vào giấy, không có mẹ ở đó, cũng không nhìn thấy mẹ nhận tiền của ông L.

Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 10-5-2023, bà O trình bày: Bà có biết việc bà V có cho ông L mượn tiền nhưng không biết mượn cụ thể bao nhiêu, thời gian nào. Khoảng thời gian lâu sau, không nhớ cụ thể, bà có nghe bà V nói là ông L đã trả tiền cho bà V rồi, nhưng không biết là trả đủ chưa. Bà có thấy ông L mang tiền lên trả cho bà V một lần, nhưng không biết cụ thể là tiền gì. Sau đó một thời gian, ông L có gọi cho bà nói lên nhà viết giấy xác nhận việc đã trả hết tiền cho bà V. Bà có ghi nội dung và ký xác nhận việc ông L đã trả đủ số tiền nợ cho bà V.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà O trình bày: Bà không biết việc bà V cho ông L mượn tiền, sau này mới nghe bà V nói lại, không biết mượn cụ thể bao nhiêu. Việc bà viết vào Giấy xác nhận là do tin lời ông L nói là bác đã trả hết tiền cho mẹ con rồi. Có một lần bà nhìn thấy ông L đưa tiền cho bà V mà không biết tiền gì, không nhớ thời gian, lúc này không có mặt em San. Bà không biết cụ thể việc ông L trả tiền đầy đủ cho bà V.

** Người làm chứng – cháu Đinh Tuyết S trình bày tại bản tự khai, tại phiên tòa:*

Cháu là con của bà Đinh Thị Tuyết V và ông Đặng Quang L. Vào ngày 27-8-2019, ông L có nhờ cháu viết giấy xác nhận nội dung ông L đã trả cho bà V số tiền 300.000.000đ. Nội dung trong giấy xác nhận là do ông L đọc cho cháu viết. Lúc này, cháu mới học lớp 5, không biết việc vay mượn tiền giữa bà V và ông L và cũng không chứng kiến việc ông L trả tiền cho bà V.

** Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 280, 436, 466 và 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tiền gốc 300.000.000đ và tiền lãi yêu cầu tính từ ngày 01-8-2019 đến tháng 8-2023 với mức lãi suất 10%/năm.

** Tòa án nhân dân quận B, thành phố Đà Nẵng đã xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 16-8-2023 như sau:*

Căn cứ các điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 147, các điều 235, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Bích V đối với ông Đặng Quang L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Xử: Buộc ông Đặng Quang L phải thanh toán cho bà Đinh Thị Bích V số tiền nợ 300.000.000đ và nợ lãi 120.000.000đ, tổng cộng cả gốc và lãi là 420.000.000đ (*Bốn trăm hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 20.800.000đ (*Hai mươi triệu tám trăm ngàn đồng*) ông Đặng Quang L phải chịu.

Hoàn trả cho bà Đinh Thị Bích V số tiền tạm ứng án phí 12.226.100đ (*mười hai triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn một trăm đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0005741 ngày 14-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* *Đơn kháng cáo*: Ngày 28-8-2023, ông Đặng Quang L kháng cáo bản án sơ thẩm nói trên và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm; không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Bích V.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến*:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Quang L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Người làm chứng gồm cháu Đinh Tuyết S và bà Đỗ Thị Hoàng O đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa

nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét Đơn kháng cáo của ông Đặng Quang L:

[2.1] Ông Đặng Quang L mượn của bà Đinh Thị Tuyết V số tiền 300.000.000đ được thể hiện tại Giấy xác nhận mượn tiền ngày 26-12-2017 và thừa nhận của chính ông L. Tuy nhiên, ông L cho rằng đã trả hết số tiền này cho bà V trong khoảng thời gian từ ngày 17 đến ngày 27-8-2019.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lời khai của ông Đặng Quang L về việc đã trả tiền như sau:

Lần 1, ngày 17-8-2019, ông L vay của ông Lê M số tiền 50.000.000đ và ông L đưa tiền trực tiếp cho bà V; không có giấy tờ trả tiền.

Lần 2, khoảng mấy ngày sau, ông L vay của ông Đặng Quang B số tiền 100.000.000đ và ông B là người đưa tiền trực tiếp cho bà V; không có giấy tờ trả tiền.

Như vậy, hai lần này ông L khai đã trả tiền cho bà V nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Lần 3, ngày 27-8-2019, ông L có nhận tiền vay từ Ngân hàng Quốc tế số tiền 150.000.000đ và đem về trả đủ cho bà V; có Giấy xác nhận do ông L cung cấp.

Xét “Giấy xác nhận” ngày 27-8-2019 có nội dung: *Tôi tên Đinh Thị Bích V trước đây tôi có cho ông Đặng Quang L mượn số tiền 300.000.000đ... Nay ông Đặng Quang L đã trả số tiền nói trên. Vậy tôi viết giấy này để xác nhận là ông đã trả số tiền 300.000.000đ...Ký tên Đinh Tuyết S.* “Giấy xác nhận” này không phải do chính bà Đinh Thị Tuyết V viết ra mà do ông L đọc cho các con của bà V viết, ký tên. Nội dung do các con bà V viết không được bên cho vay là bà V thừa nhận. Do vậy, văn bản này không có giá trị chứng minh.

[2.2] Khi vay mượn tiền ông Đặng Quang L có viết giấy mượn nhưng khi trả tiền lại không yêu cầu bà Đinh Thị Tuyết V viết giấy đã nhận đủ tiền vay mượn nên không có căn cứ để chứng minh việc ông L đã trả đủ số tiền 300.000.000đ cho bà V.

Ông Đặng Quang L vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên vay mượn tiền nên phải trả cho bà Đinh Thị Bích V số tiền nợ gốc và nợ lãi theo quy định tại các Điều 466 và 469 Bộ luật Dân sự.

[2.3] Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Bích V, buộc ông Đặng Quang L phải thanh toán cho bà Đinh Thị Bích V số tiền nợ 300.000.000đ và nợ lãi 120.000.000đ, tổng cộng 420.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4] Tại phiên toà phúc thẩm, người kháng cáo - ông Đặng Quang L không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm ông Đặng Quang L phải chịu do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Tuy nhiên, do ông L thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn nộp tạm ứng án phí, án phí cùng với đơn kháng cáo nên được Hội đồng xét xử xét miễn án phí phúc thẩm.

[4] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Không chấp nhận Đơn kháng cáo của ông Đặng Quang L;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 16-8-2023 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Đà Nẵng:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Bích V đối với ông Đặng Quang L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Xử: Buộc ông Đặng Quang L phải thanh toán cho bà Đinh Thị Bích V số tiền nợ 300.000.000đ và nợ lãi 120.000.000đ, tổng cộng cả gốc và lãi là 420.000.000đ (*Bốn trăm hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 20.800.000đ (*Hai mươi triệu tám trăm ngàn đồng*) ông Đặng Quang L phải chịu.

Hoàn trả cho bà Đinh Thị Bích V số tiền tạm ứng án phí 12.226.100đ (*Mười hai triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn một trăm đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0005741 ngày 14-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

III. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Quang L phải chịu 300.000đ nhưng được miễn nộp án phí.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- TAND Q. Liên Chiểu, TPĐN;
- Chi cục THADS Q. Liên Chiểu, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Thanh Mai